

Bản án số: 167/2024/HNGĐ – ST  
Ngày 20 - 12 - 2024  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Đức;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn An;

Ông Trần Văn Đoàn;

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2024/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXX - ST, ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1990; Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Bà L và ông P quen nhau, cưới nhau, sống chung từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C theo giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01/2011 ngày 02 tháng 8 năm 2011, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống bên nhà chồng được thời gian ngắn rồi hàng xóm cho mượn đất làm nhà lá tạm để ở. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng cũng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng nhiều quan điểm. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng là do kinh tế khó khăn, do chồng thường xuyên không có công việc tuy sống chung nhưng mặt ai ấy sống, bỏ mặt lẫn nhau nên cách nay khoảng giữa năm 2022 vợ, chồng đã ly thân, bà L lên thị trấn C, huyện C thuê nhà trọ đi làm công nhân, còn chồng đi về huyện L, tỉnh Đồng Nai làm thuê. Sau khi ly thân thì bà L

đưa người con Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 26/8/2012, về ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre sống với mẹ bà và chị bà L nhưng do mẹ bà L chết được 01 năm thì bà L đưa người con Nguyễn Thị Phương N lên sống với bà L. Còn người con Nguyễn Thị Phương D, sinh ngày 08/02/2011, sau khi ly thân cháu ở với bà nội và ông P nhưng do ông P đi làm xa nên cháu ở với bà nội đưa rước đi học.

Sau khi bà L làm đơn ly hôn thì bà L có yêu cầu ông P đến Tòa án để ký thuận tình ly hôn nhưng ông P đi làm xa, không về được mà nói với bà L tự làm đơn ly hôn đơn phương. Công việc của bà L là đi làm công nhân, lương không tăng ca được 6.500.000 đồng/tháng.

Nay bà L xét thấy vợ chồng sống đã ly thân đã lâu, tình cảm mâu thuẫn nghiêm trọng, thời gian sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Thị Phương D, sinh ngày 08/02/2011 và Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 26/8/2012. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi người con Nguyễn Thị Phương N, đồng ý để người con Nguyễn Thị Phương D cho ông P được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Mỗi người nuôi một người con nên không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài P đã được Tòa án thực hiện phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông P vắng mặt. Ông P có đề đơn nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoài P nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Nguyễn Hoài P đều có đề đơn nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà L và ông P là đúng pháp luật.

[2] Nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoài P xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Hoài P: Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà L nguyên nhân chính dẫn đến vợ, chồng mâu thuẫn trầm trọng là do kinh tế khó khăn, khi còn sống chung do ông P thường xuyên

không có công việc, dẫn đến khoảng giữa năm 2024 bà L lên thị trấn C, huyện C thuê nhà trọ đi làm công nhân, còn chồng đi về huyện L, tỉnh Đồng Nai làm thuê nên 02 người đã ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay không ai còn quan tâm đến ai mà bỏ mặt lẫn nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông P hợp lệ nhưng ông P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L. Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ cho ông P tham gia phiên tòa, ông P có đơn đề nghị Tòa án cho ông P được vắng mặt suốt quá trình tố tụng của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ ly hôn trên theo quy định của pháp luật. Tuy tại phiên tòa bà L không có mặt nhưng biên bản họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không được thì bà L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Do vậy, xét thấy trên thực tế hôn nhân giữa bà L và ông P đã không còn. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà L và ông P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Hoài P.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa bà L và ông P có 02 người con là Nguyễn Thị Phương D, sinh ngày 08/02/2011 và Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 26/8/2012. Nguyên vọng của người con Nguyễn Thị Phương D được ở với ông P và người con Nguyễn Thị Phương N được ở với bà L nên ông P được tiếp tục nuôi dưỡng người con Nguyễn Thị Phương D, còn bà L được tiếp tục nuôi dưỡng người con Nguyễn Thị Phương N là phù hợp tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mỗi người nuôi dưỡng một người con nên không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa bà L và ông P đều không có mặt, không có ý kiến của bà L và ông P nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Hoài P.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Hoài P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con là Nguyễn Thị Phương D, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011. Bà Nguyễn Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu;

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai số 0013403 ngày 07 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoài P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Long An;
  - VKSND huyện Cần Giuộc;
  - CQTHA huyện Cần Giuộc;
  - UBND xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc
- quyển số 01/2011 ngày 02/8/2011;
- Các đương sự;
  - Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Tuấn Đức**

